

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trên cả 2 sàn do áp lực bán ở nhóm CP vốn hóa lớn

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL có biến động trái chiều với F2001 và F2002 giảm điểm

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

PC1, HBC

[Vĩ Mô/Chiến Lược]

GDP và Lạm phát 2019 – Vượt mục tiêu của Chính phủ

[Cập Nhật Công Ty]

VHC

[Quan điểm đầu tư]

Kết hợp trading thêm một phần nữa để kéo giảm giá vốn cho danh mục chung

26/12/2019

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	958.59	-0.24
VN30	872.07	-0.13
HĐTL VN30	871.10	-0.31
HNXIndex	102.32	-0.59
HNX30	180.33	-0.43
UPCoM	55.66	+0.11
USD/VNĐ	VND23,173	-0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.41	-2
Lãi suất qua đêm (%)	1.89	-18
Dầu (WTI, \$)	61.06	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,504.21	+0.29



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 958.59 (-0.24%)
KLGD (triệu CP) 160.4 (-17.9%)
GTGD (triệu US\$) 2 1 0 . 4
 (+ 2 1 . 8 %)

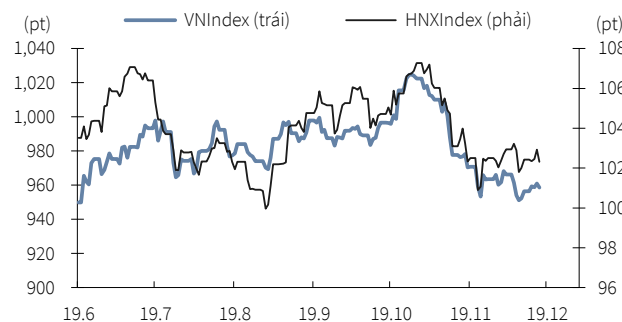
HNXIndex 102.32 (-0.59%)
KLGD (triệu CP) 21.3 (-23.8%)
GTGD (triệu US\$) 7.3 (-29.3%)

UPCoM 55.66 (+0.11%)
KLGD (triệu CP) 9.1 (+48.5%)
GTGD (triệu US\$) 5.3 (+41.1%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.9

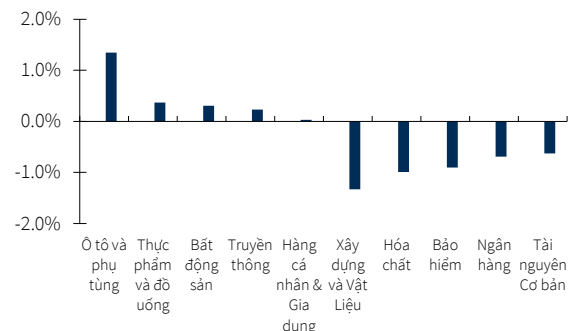
TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm trên cả 2 sàn do áp lực bán ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn gia tăng vào cuối phiên chiều, bất chấp diễn biến khởi sắc của các thị trường trong khu vực, cũng như thông tin hỗ trợ từ vĩ mô trong nước. Thanh khoản thị trường sụt giảm mạnh và độ rộng thị trường nghiêng hoàn toàn về số mã giảm điểm. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn có diễn biến tiêu cực hơn so với thị trường chung với các mã giảm điểm như VIC, VCB, GAS... Xét riêng trong rổ cổ phiếu VN30 có 10 mã tăng và 18 mã giảm điểm. Đáng chú ý, nhóm cổ phiếu mang tính thị trường cao đồng loạt lao dốc trong phiên hôm nay, với các mã giảm sàn như ROS, KLF, AMD, HAR... Khỏi nhà đầu tư nước ngoài có phiên mua ròng nhẹ, tập trung ở MSN, HPG, VRE...

VN Index & HNX Index



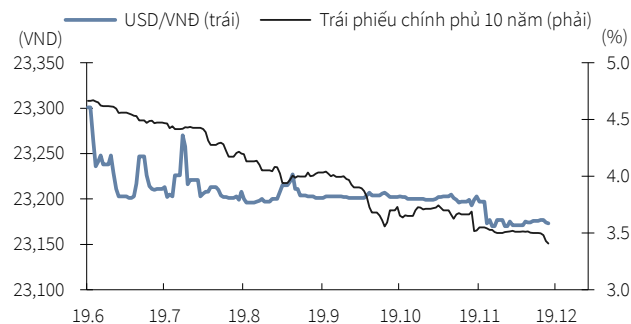
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	872.07 (-0.13%)
VN30 tương lai	871.1 (-0.31%)
Mở cửa	874.0
Cao nhất	877.5
Thấp nhất	871.1
Hợp đồng	72,636 (+6.7%)
KL HĐ mở OI	N/A

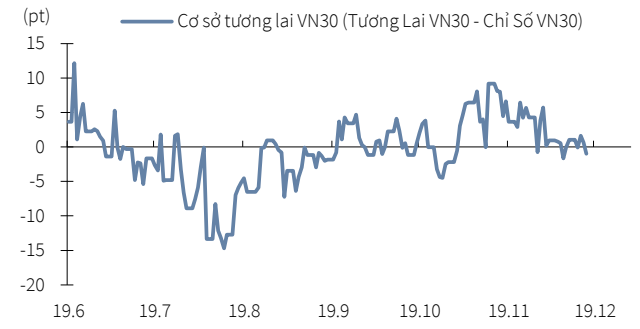
Các HĐTL có biến động trái chiều với F2001 và F2002 giảm điểm, trong khi F2003 tăng và F2006 đi ngang với thanh khoản ở mức thấp. Thanh khoản trên thị trường hồi phục nhẹ, tập trung chủ yếu ở F2001. Khối lượng đặt mua và đặt bán ở mức thấp với khối lượng đặt bán có phần chiếm ưu thế. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng nhẹ ở F2001. Chênh lệch giữa các HĐ và chỉ số VN30 giảm xuống mức thấp (-0.97 đến 11 điểm), phần nào cho thấy đánh giá thận trọng của thị trường đối với biến động chỉ số VN30 trong các phiên sắp tới.

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



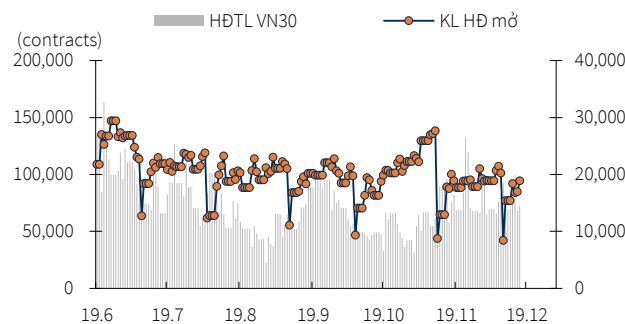
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



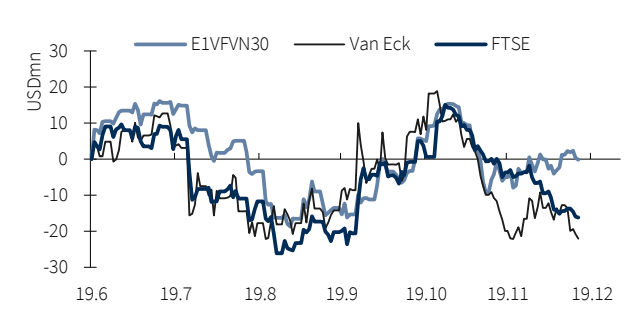
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

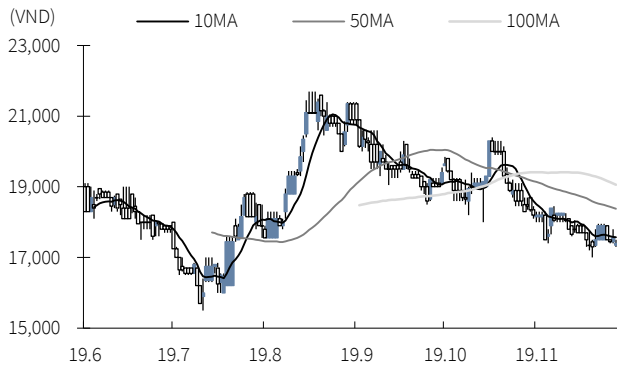
Quy mô các quỹ ETF lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

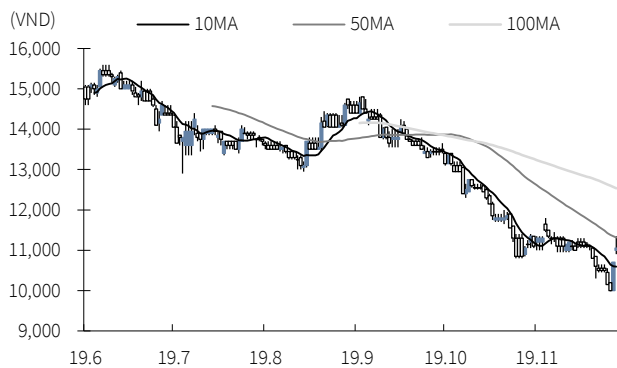
Xây Lắp Điện 1 (PC1)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PC1 giảm 0.9% xuống 17,400 VNĐ/cp.
- PC1 mới đây đã ký hợp đồng gói thầu EPC - Thiết kế, cung cấp hàng hoá và xây lắp đường dây và trạm biến áp Dự án Nhà máy điện gió Trà Vinh, với tổng giá trị hợp đồng trên 12.5 triệu USD.
- Nhà máy điện gió Trà Vinh được xây dựng trên diện tích khoảng 1.200 ha mặt nước và trên đất liền, với 12 turbine gió, công suất 48 MW, lượng điện năng cung cấp hơn 180 triệu kWh. Tổng nguồn vốn đầu tư của dự án trên 2.400 tỷ đồng (tương đương 120 triệu USD). Dự kiến, Nhà máy hoàn thành cuối quý IV/2020.

Xây Dựng Hòa Bình (HBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HBC tăng 3.3% lên mức 11,050 VNĐ/cp.
- Ngày 25/12/2019, HBC đã khởi công xây dựng Trung tâm Thương mại COBI CIF tại Khu công nghiệp Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.
- Hòa Bình là tổng thầu thi công kết cấu, hoàn thiện, cơ điện, hạ tầng và cảnh quan, tổng giá trị gói thầu 466 tỷ đồng, thời gian thi công dự kiến trong 11 tháng.

Xuất khẩu tháng 11/2019 của VHC

Chưa thoát khỏi tăng trưởng âm trong năm 2019

Giá trị xuất khẩu tháng 11 vẫn chưa thoát khỏi tăng trưởng âm so với cùng kỳ năm 2018

- Giá trị xuất khẩu tháng 11/2019 của VHC đạt 33 triệu USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm trước. Giá xuất khẩu cá tra vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện tại các thị trường chính của VHC khiến giá trị xuất khẩu cá tra của VHC trong thời gian này vẫn giảm so với cùng kỳ năm 2018. Giá cá nguyên liệu hiện tại vẫn ở mức thấp 18.500 VND/kg khiến giá xuất khẩu cá tra khó có khả năng phục hồi trong ngắn hạn. Giá cá tra giống cũng đang ở mức thấp nhất trong 3 năm trở lại đây và kéo dài từ khoảng giữa năm 2019 đến nay, dự báo tình trạng thiếu cá trong năm 2020.
- Tính đến hết tháng 11 năm 2019, giá trị xuất khẩu của VHC đạt tổng cộng 296 triệu USD, giảm 13% so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân đến từ sự sụt giảm mạnh nhập khẩu cá tra ở thị trường Mỹ, vốn chiếm gần 60% cơ cấu doanh thu xuất khẩu của VHC trong 5 năm gần đây. Xuất khẩu cá tra sang thị trường Mỹ của toàn ngành cá tra Việt Nam chỉ đạt 285,5 triệu USD trong 11 tháng đầu năm 2019, giảm 47,7% so với cùng kỳ năm 2018. VHC đã có những cố gắng trong việc chuyển dịch cơ cấu doanh thu xuất khẩu từ thị trường Mỹ sang thị trường Trung Quốc và châu Âu nhưng chỉ giúp giảm nhẹ chứ chưa thể giúp VHC thoát khỏi tình trạng tăng trưởng âm trong năm nay.

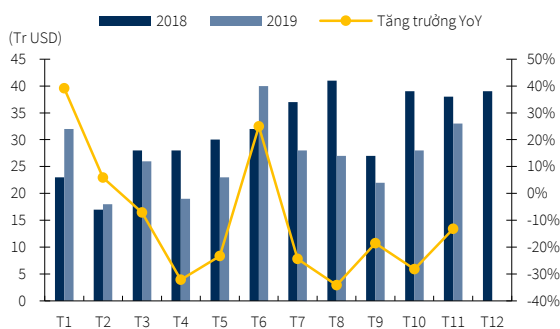
Trả cổ tức 2019 bằng cổ phiếu tỷ lệ 1:1

- VHC đã quyết định chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu tỷ lệ 1:1, với ngày đăng ký cuối cùng vào ngày 31/12/2019.

Dự kiến hoàn thành kế hoạch lợi nhuận 2019

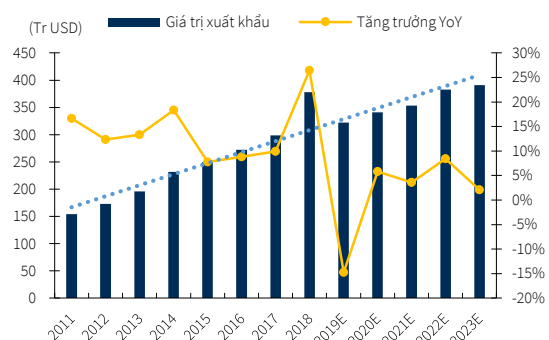
- Chúng tôi giữ nguyên quan điểm VHC sẽ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2019 do giá cá tra nguyên liệu đầu vào vẫn ở mức thấp trong quý 4/2019. Với lợi nhuận sau thuế 9 tháng 2019 đạt 981 tỷ VND, VHC đã hoàn thành 78% kế hoạch lợi nhuận năm 2019.

Biểu đồ 1. Giá trị xuất khẩu của VHC theo tháng



Nguồn: VHC, KBSV

Biểu đồ 2. Giá trị xuất khẩu của VHC qua các năm



Nguồn: VHC, KBSV

GDP và Lạm phát 2019

Vượt mục tiêu của Chính phủ

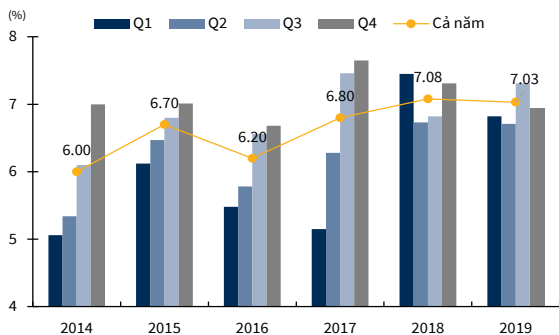
GDP năm 2019 ước tính đạt 7.03% - là năm thứ 2 liên tiếp GDP cả năm đạt mức trên 7%

- Với mức tăng cả năm đạt 7.03%, và mức tăng Quý 4 ước tính khoảng 6.95% - 7.0%, Việt Nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới trong bối cảnh tăng trưởng toàn cầu trong năm 2019 chậm lại.
- Đóng góp lớn trong tăng trưởng GDP năm nay theo chúng tôi nhận định đến chủ yếu từ lĩnh vực sản xuất chế biến, chế tạo và tiêu dùng. **Tăng trưởng xuất khẩu duy trì đà tích cực xuyên suốt cả năm nhờ sự dịch chuyển sản xuất từ Trung Quốc dưới áp lực của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.**
- Chúng tôi ước tính, trong năm 2020 GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng ở mức 6.7 - 6.8% - với đóng góp đến từ đầu tư công, lĩnh vực chế biến, chế tạo và tiêu dùng.

Lạm phát bình quân năm 2019 đạt 2.73% - mức thấp nhất trong vòng 3 năm qua

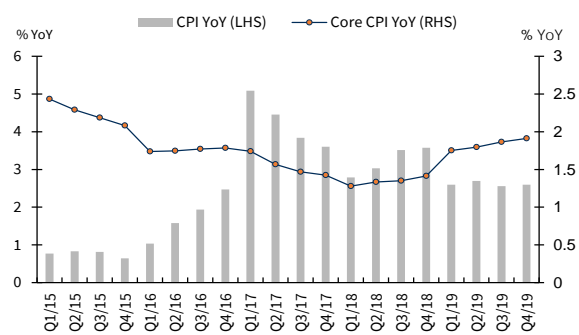
- Các nguyên nhân chủ yếu làm tăng CPI năm 2019 là nhóm hàng tiêu dùng (đặc biệt giá thịt lợn trong giai đoạn nửa cuối năm 2019), giá điện (tăng vào tháng 3), giá dịch vụ y tế điều chỉnh tăng theo mức tăng thêm của lương cơ bản và giá dịch vụ giáo dục. Ở chiều ngược lại, hỗ trợ chính giúp bình ổn CPI năm nay là giá nhóm giao thông giảm (do giá xăng dầu giảm).
- Trong năm 2020, chúng tôi ước tính lạm phát sẽ ở mức 3.5%, với yếu tố rủi ro đến từ biến động giá thịt lợn. Tuy nhiên, với mức thiếu hụt ước tính chỉ khoảng 650,000 tấn trong năm 2020 (theo ước tính từ USDA), và lượng thịt lợn nhập khẩu ước tính sẽ tăng 50% sẽ bù đắp phần nào lượng thiếu hụt nêu trên, chúng tôi đánh giá giá thịt lợn sẽ chỉ tăng mạnh trong Quý 1 và sẽ hạ nhiệt dần.

Biểu đồ 1. Tăng trưởng GDP theo Quý



Nguồn: TCTK, KBSV

Biểu đồ 2. Biến động CPI



Nguồn: TCTK, KBSV

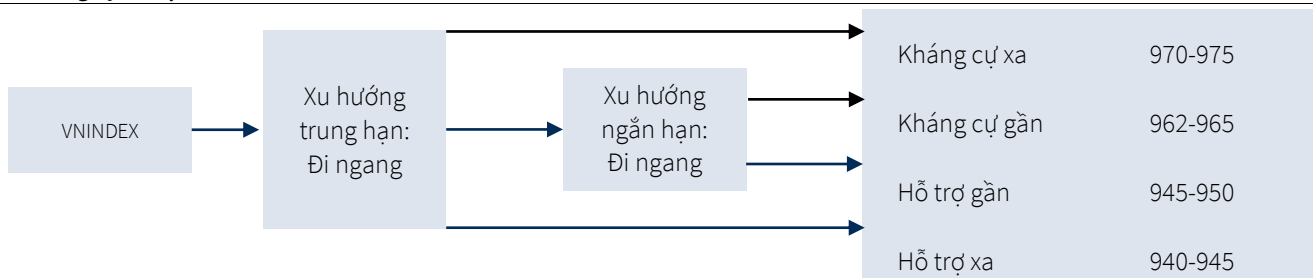
Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Tiếp tục vấp phải áp lực bán ở vùng kháng cự 962-965, VNIndex đã quay đầu điều chỉnh trong phiên hôm nay.
- Sau một nhịp hồi phục, cơ hội trong ngắn hạn, giữa kịch bản tiếp tục hồi phục lên vùng 970 và quay đầu giảm xuống quanh vùng đáy cũ 950 đang rất cân bằng.
- NĐT được khuyến nghị ngoài việc nắm giữ một phần tỷ trọng danh mục ở mức thấp, chỉ nên kết hợp trading thêm một phần nữa nhằm kéo giảm giá vốn cho danh mục chung nhưng chỉ nên kê lệnh và tuyệt đối tránh mua/bán đuổi giá.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



- Chỉ số VN30 cũng đang gặp rung lắc lại vùng kháng cự gần 874-877.
- Độ lệch đã chuyển sang âm nhẹ ở HĐTL 1M, cho thấy tâm lý thận trọng của bên Long.
- Sau một nhịp hồi phục, cơ hội trong ngắn hạn, giữa kịch bản tiếp tục hồi phục lên vùng kháng cự quanh 885 và quay đầu giảm xuống quanh vùng đáy cũ tại 860 đang rất cân bằng.
- NĐT được khuyến nghị chỉ tập trung vào các hoạt động trading trong phiên, linh hoạt Long/Short 2 chiều tại các vùng hỗ trợ/kháng cự trên khung giờ.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

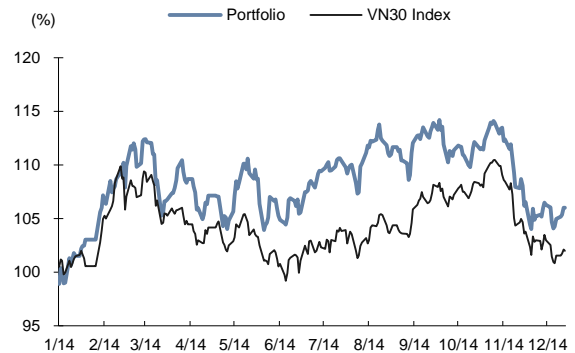
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.13%	-0.37%
Tăng lũy kế (YTD)	2.00%	6.02%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/12/2019	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	113,300	-0.5%	-1.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,300	-0.2%	2.1%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	85,600	0.1%	11.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	20,850	-0.7%	6.5%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M-Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	35,500	-0.3%	4.7%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	57,400	-0.2%	49.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Gemadep Corp (GMD)	22/08/2018	23,500	-1.9%	-10.1%	- Hoạt động kinh doanh chính kỳ vọng tăng trưởng trở lại - Dự án Nam Định Vũ giai đoạn 1 thúc đẩy tăng trưởng doanh thu - Mảng logistic sẽ tăng trưởng với sự hỗ trợ từ đối tác CJ Logistic
Power Const No. 1 (PC1)	06/11/2019	17,400	-0.9%	-7.4%	- Đóng góp lớn từ dự án BĐS Thanh Xuân và mảng xây lắp đường truyền. - Mảng xây lắp điện kỳ vọng tăng trưởng mạnh do nhu cầu đầu tư từ EVN. - Công suất các nhà máy điện của PC1 dự kiến tăng mạnh trong năm 2020.
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,000	-0.6%	-1.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Petro Tech Services (PVS)	15/08/2018	17,700	0.0%	0.2%	- Hàng loạt các dự án đầu khí lớn sẽ được khởi động từ năm 2020 trở về sau - Dự báo EPS cốt lõi 2019-2023 sẽ đạt tăng trưởng kép hàng năm 9.0%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MSN	2.3%	39.0%	43.1
HPG	-0.7%	37.9%	18.2
VRE	1.5%	32.8%	12.0
DXG	2.8%	45.4%	11.1
ROS	-6.9%	4.1%	7.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-0.1%	14.9%	-18.6
VHM	0.6%	15.0%	-12.0
VPI	0.1%	6.4%	-10.4
VCB	-0.6%	23.9%	-6.4
PVD	0.3%	20.2%	-6.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khỏi ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	0.0%	0.3%	0.6
TIG	-1.5%	15.8%	0.5
LAS	0.0%	5.3%	0.2
NRC	0.0%	24.2%	0.1
PVS	0.0%	21.7%	0.1

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HUT	0.0%	23.6%	-0.7
NTP	0.9%	20.6%	-0.4
PTI	6.9%	38.0%	-0.1
VCG	0.0%	0.5%	-0.1
THB	-0.9%	3.8%	-0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	6.3%	TCH, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.8%	PNJ, TLG
Ngân hàng	2.5%	BID, VCB
Công nghệ thông tin	2.5%	FPT, SGT
Bán lẻ	2.1%	MWG, DGW

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-4.1%	BVH, BMI
Hóa chất	-3.0%	PHR, AAA
Xây dựng và Vật Liệu	-2.4%	ROS, CTD
Y tế	-0.7%	IMP, DBD
Thực phẩm và đồ uống	-0.2%	VNM, GTN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	5.8%	TCH, DRC
Ngân hàng	3.3%	VCB, BID
Bán lẻ	3.0%	MWG, CMV
Công nghệ thông tin	2.0%	FPT, ST8
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.7%	PNJ, TLG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-10.8%	YEG, PNC
Hóa chất	-5.8%	PHR, AAA
Xây dựng và Vật Liệu	-4.9%	ROS, CTD
Thực phẩm và đồ uống	-3.8%	MSN, VNM
Dầu khí	-3.6%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	115,400	388,734 (16,775)	48,944 (2.1)	21.8	74.3	43.7	44.1	6.1	8.1	5.0	4.5	-0.1	-0.3	0.2	21.1
	VHM	VINHOMES JSC	84,200	276,977 (11,952)	155,541 (6.7)	34.0	14.7	10.5	35.0	33.5	35.9	4.7	3.2	0.6	0.4	-9.8	14.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,300	75,668 (3,265)	117,517 (5.1)	16.2	28.0	22.0	18.3	9.6	10.8	2.6	2.4	1.5	2.8	-2.3	19.4
	NVL	NOVA LAND INVES	56,900	54,001 (2,330)	18,706 (0.8)	32.2	18.5	17.6	-4.3	14.6	12.1	2.3	-	0.7	2.2	0.7	-11.4
	KDH	KHANGDIENHOUSE	26,850	14,618 (631)	7,906 (0.3)	4.5	15.7	12.0	20.7	12.9	15.0	2.0	1.8	0.0	2.1	1.1	5.8
	DXG	DAT XANH GROUP	14,500	7,635 (325)	20,011 (0.9)	3.6	5.3	5.0	3.3	18.6	18.2	0.9	0.9	2.8	3.9	2.5	-22.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	89,400	331,574 (14,308)	44,837 (1.9)	6.1	20.2	15.7	24.5	24.5	24.5	4.1	3.2	-0.6	1.6	5.5	67.1
	BID	BANK FOR INVESTM	44,200	177,773 (7,671)	30,421 (1.3)	12.0	28.2	20.2	15.9	12.9	14.1	2.3	2.1	-2.2	4.7	10.5	28.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,050	80,678 (3,481)	22,296 (1.0)	0.0	8.6	7.3	8.2	16.7	16.4	1.3	1.1	0.2	3.1	-1.7	-10.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	20,600	76,702 (3,310)	47,272 (2.0)	0.6	10.3	8.3	30.5	10.8	13.4	1.0	0.9	0.0	2.2	-2.8	6.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,700	48,024 (2,072)	24,479 (1.1)	0.0	6.2	5.2	13.0	20.6	20.6	1.2	1.0	0.8	2.6	-3.7	-1.3
	MBB	MILITARYCOMMERC	20,850	48,490 (2,092)	65,027 (2.8)	0.0	6.4	5.6	17.9	21.1	20.9	1.2	1.1	-0.7	0.7	-7.9	15.8
	HDB	HDBANK	26,500	25,996 (1,122)	32,874 (1.4)	6.4	8.2	7.0	12.8	18.7	19.5	1.4	1.3	-0.7	1.1	-4.7	-12.5
	STB	SACOMBANK	10,100	18,217 (786)	21,629 (0.9)	11.6	8.3	6.2	56.6	8.6	10.3	0.7	0.6	0.0	1.7	-0.5	-15.5
	TPB	TIENPHONGCOMME	21,150	17,482 (754)	3,356 (0.1)	0.0	7.0	5.5	33.5	21.8	22.4	1.4	1.1	0.7	1.7	-3.4	6.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,100	21,023 (907)	1,312 (0.1)	0.0	27.4	26.6	9.4	5.1	8.0	1.3	1.3	-0.6	3.0	-0.9	21.7
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	68,000	50,478 (2,178)	15,170 (0.7)	23.6	39.5	29.7	19.2	8.3	9.6	2.8	2.6	-1.0	-4.9	-4.8	-23.6
	BMI	BAOMINHINSURANC	25,150	2,298 (099)	696 (0.0)	11.5	13.5	-	-	7.9	-	-	-	-0.6	1.0	-3.8	21.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,250	9,272 (400)	22,034 (1.0)	44.9	4.5	4.1	33.9	9.6	10.5	0.9	0.8	0.3	0.8	-8.8	-31.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	29,500	4,848 (209)	2,280 (0.1)	62.9	7.8	8.1	-14.5	16.0	13.9	1.2	1.1	-1.0	-1.7	-10.9	-36.6
	HCM	HOCHIMINH CITY	20,800	6,355 (274)	16,346 (0.7)	43.2	17.7	12.2	-16.4	9.8	11.5	1.5	1.4	-0.5	-2.3	-13.3	-12.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	14,400	3,003 (130)	2,600 (0.1)	8.7	9.5	8.3	-4.2	11.4	12.3	0.9	0.9	-0.3	-1.0	2.9	-12.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	117,000	203,741 (8,792)	106,325 (4.6)	41.4	20.9	19.7	6.9	38.7	38.1	7.3	6.6	0.0	-2.3	-4.9	-2.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	233,400	149,675 (6,459)	8,066 (0.3)	36.7	29.7	24.1	25.1	33.5	36.0	8.8	7.7	0.4	0.2	1.5	-12.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	57,000	66,630 (2,875)	92,105 (4.0)	10.1	14.8	12.7	-1.7	13.9	14.5	2.0	1.7	2.3	2.5	-20.3	-26.5
HNG	HOANGANH GIA LA	14,150	15,686 (677)	4,496 (0.2)	48.6	-	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.0	-2.7	-11.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	143,700	75,276 (3,248)	60,328 (2.6)	10.5	13.8	11.8	6.4	38.0	37.3	4.7	3.6	-0.1	0.8	0.3	19.8
	GMD	GEMADEPT CORP	23,500	6,978 (301)	4,807 (0.2)	0.0	12.7	11.8	-44.5	9.5	9.7	1.1	1.1	-1.9	-1.3	-2.9	-10.1
	CII	HOCHIMINH CITY	22,300	5,527 (238)	5,291 (0.2)	18.9	10.9	9.9	147.6	11.0	12.2	-	-	-1.3	-0.9	-5.7	-15.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	21,450	12,175 (525)	775,480 (33.5)	44.9	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	-9.5	-14.5	-44.6
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	19,400	9,472 (409)	13,544 (0.6)	33.6	7.8	9.8	-2.5	13.2	13.3	1.5	1.3	-1.3	-1.5	-4.7	0.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	55,200	4,211 (182)	3,557 (0.2)	1.3	6.3	6.6	-30.7	8.6	7.8	0.5	0.5	-0.5	-9.5	-17.2	-65.5
	REE	REE	35,500	11,007 (475)	19,510 (0.8)	0.0	6.2	6.1	0.4	16.7	15.8	1.1	1.0	-0.3	-0.8	-2.7	15.3

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	96,200	184,122 (7,945)	24,958 (1.1)	45.4	15.3	15.2	2.5	25.8	25.5	3.8	3.5	-0.7	0.4	-5.7	11.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	21,700	6,247 (270)	5,834 (0.3)	30.3	8.5	8.7	-2.6	19.8	18.4	1.6	1.6	0.2	-2.7	-4.8	-11.8
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,900	8,624 (372)	8,514 (0.4)	32.8	9.5	9.4	-9.1	16.5	16.3	1.5	1.5	-1.5	-5.6	-1.8	48.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOAPHATGRP JSC	23,000	63,505 (2,740)	140,763 (6.1)	11.1	8.9	7.4	2.5	16.8	17.7	1.3	1.2	-0.6	0.9	1.5	-3.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	13,350	5,224 (225)	3,077 (0.1)	30.1	20.7	11.8	-16.2	3.5	6.2	0.7	0.7	-0.4	3.5	4.3	-40.1
	DCM	PETROCA MAU FER	6,700	3,547 (153)	861 (0.0)	46.6	8.9	10.8	-	6.4	5.3	0.6	0.6	0.0	1.1	-2.5	-35.0
	HSG	HOA SENG GROUP	7,900	3,343 (144)	31,712 (1.4)	31.3	8.8	6.7	-6.4	6.7	8.0	0.5	0.5	-2.5	-2.8	4.2	33.5
	AAA	ANPHAT PLASTIC	12,750	2,183 (094)	24,057 (1.0)	37.1	5.7	5.7	49.2	16.4	16.3	0.8	0.7	-1.5	-5.9	-10.2	-13.3
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	55,900	66,566 (2,872)	7,201 (0.3)	6.6	17.1	16.6	10.2	19.4	20.0	3.1	3.1	-0.4	0.9	-5.6	5.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	14,900	6,275 (271)	24,922 (1.1)	28.8	39.0	28.3	21.2	1.3	1.8	0.5	0.5	0.3	-2.0	-3.9	12.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	16,650	4,686 (202)	4,287 (0.2)	17.2	9.0	6.7	6.9	13.4	13.8	0.9	0.8	1.5	0.3	-2.9	6.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	113,300	50,157 (2,164)	61,305 (2.6)	0.0	13.5	10.8	25.4	35.9	32.4	4.2	3.2	-0.5	3.0	-0.2	30.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	85,600	19,276 (832)	31,731 (1.4)	0.0	17.2	14.4	20.7	27.8	28.2	4.2	3.4	0.1	5.0	2.8	22.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	38,400	1,133 (049)	945 (0.0)	68.0	-	23.1	-40.0	-4.1	3.6	0.9	0.8	0.3	-1.5	-15.0	-83.7
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,050	1,821 (079)	2,583 (0.1)	1.4	5.7	5.3	0.0	25.7	22.8	1.3	1.1	-2.7	-13.5	-17.4	-63.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	40,550	5,494 (237)	24,683 (1.1)	42.6	5.1	5.0	31.3	30.8	35.3	1.8	1.5	-2.1	-20.6	-28.1	21.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	92,000	12,029 (519)	1,122 (0.0)	45.6	20.2	18.9	4.0	20.1	20.0	3.6	3.4	-0.9	-0.8	-2.6	16.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	54,500	4,088 (176)	492 (0.0)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	0.9	0.9	2.8	-14.2
IT	FPT	FPTCORP	57,400	38,933 (1,680)	61,242 (2.6)	0.0	12.3	10.5	25.3	24.2	25.1	2.6	2.3	-0.2	2.9	0.5	49.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

conglt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbfng.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.